

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ Y TẾ

Số: 2568 /SYT-NVY
V/v xin ý kiến góp ý dự thảo Kế
hoạch triển khai Chương trình Sữa
học đường trên địa bàn tỉnh Hà
Tĩnh, giai đoạn 2016-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 11 năm 2016

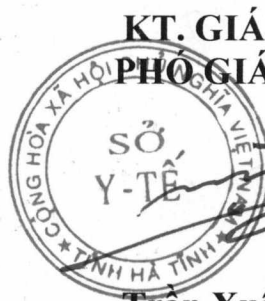
Kính gửi: Các Sở: Tài chính; Giáo dục và Đào tạo; Lao động -
Thương binh và Xã hội; Kế hoạch và Đầu tư; Văn
hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Công văn số 5237/UBND-VX, ngày 11/10/2016 của UBND
tỉnh Hà Tĩnh về việc tham mưu triển khai Quyết định số 1430/QĐ-TTg của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng
dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm
2020”, Sở Y tế xây dựng dự thảo kế hoạch tham mưu UBND tỉnh (*dự thảo gửi
kèm*).

Đề nghị các Sở nghiên cứu, góp ý gửi về Sở Y tế bằng văn bản và gửi file
điện tử theo địa chỉ email: nghiepvuy.syt@hatinh.gov.vn **trước ngày 10/11/2016**
để Sở Y tế tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành./. *Quay*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở; (để báo cáo)
- Lưu: VT, NVY. *Quay*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Xuân Dâng

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

**Triển khai Chương trình Sữa học đường trên địa bàn
tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2020**

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ BAN HÀNH KẾ HOẠCH

1. Sự cần thiết ban hành Kế hoạch

Trẻ em tuổi học đường của Việt Nam chiếm 1/3 dân số. Tại Hà Tĩnh, theo thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo trong năm học 2016- 2017 có 187.608 học sinh mầm non và tiểu học (Mầm non: 88.039, tiểu học: 99.569). Giai đoạn học đường là giai đoạn rất quan trọng đối với sự phát triển tầm vóc, thể lực và trí tuệ của trẻ, đây là giai đoạn có sự biến đổi nhanh cả về thể chất và tâm lý, nhưng cũng là giai đoạn rất dễ bị suy dinh dưỡng (SDD) ảnh hưởng đến tầm vóc sau này.

Theo thống kê của Viện Dinh dưỡng năm 2015, tỷ lệ trẻ em Việt Nam dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 14,5%, thể thấp còi là 24,9% (Hà Tĩnh là 14.2% và 29.5%). Chiều cao nam thanh niên Việt Nam hiện nay trung bình chỉ đạt 163,7cm, thấp hơn 13,1cm so với chuẩn của WHO; chiều cao trung bình của nữ Việt Nam là 153cm, thấp hơn 10,7cm so với chuẩn của WHO. Đây là một vấn đề ảnh hưởng sâu sắc tới nguồn nhân lực tương lai của đất nước, trong đó có thanh niên Hà Tĩnh.

Tại Hà Tĩnh, trong những năm qua, công tác phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo cân nặng giảm từ 19,1% năm 2010 xuống 14.2 % năm 2016; tỷ lệ suy dinh dưỡng theo chiều cao giảm từ 24,7% năm 2011 xuống 20.1% năm 2016. Tuy nhiên, so với mức trung bình toàn quốc năm 2016 thì tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi ở tỉnh ta vẫn còn cao và có sự chênh lệch lớn giữa các vùng, miền. Đặc biệt tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng ở các gia đình nghèo, cận nghèo vùng nông thôn, miền núi, còn ở mức rất cao. Như vậy tình hình thiếu vi chất dinh dưỡng của trẻ em vẫn còn ở mức cao và cần sớm được quan tâm cải thiện bằng nhiều biện pháp. Vì vậy, việc ban hành "Kế hoạch triển khai Chương trình Sữa học đường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 – 2020" là phù hợp và cần thiết.

2. Căn cứ ban hành Kế hoạch

- Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030.

- Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030.

- Quyết định số 5438/QĐ-BYT ngày 30/12/2014 của Bộ Y tế về Ban hành Chương trình hành động của Ngành Y tế triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CP về đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc trong lĩnh vực Y tế.

- Quyết định số 14/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 03/5/2001 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về giáo dục thể chất và y tế trường học;

- Quyết định số 1430/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Chương trình sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020”

- Công văn số 5237/UBND-VX, ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc tham mưu triển khai Quyết định số 1430/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020”

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đến năm 2020, cơ bản cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học thông qua hoạt động cho trẻ uống sữa hàng ngày nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 10 tuổi trên toàn tỉnh; nâng cao tầm vóc, thể lực của trẻ em Hà Tĩnh, góp phần phát triển nguồn nhân lực trong tương lai thông qua Chương trình Sữa học đường (sau đây gọi tắt là Chương trình).

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2020, đạt tỷ lệ 100% trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học (bao gồm cả các trường trong và ngoài công lập) được uống sữa 5 lần/tuần, mỗi lần 180 ml và thực hiện trong 9 tháng của năm học.

- Đến năm 2018, 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế học đường, cộng tác viên chương trình được tham gia các lớp tập huấn, có kiến thức và kỹ năng

thực hành chăm sóc dinh dưỡng (đặc biệt là về sữa học đường) cho trẻ em trong trường học.

- Đến năm 2020, 100% bố, mẹ, người chăm sóc trẻ ở thành thị và 80% bố, mẹ, người chăm sóc trẻ ở nông thôn của những trẻ tham gia uống sữa được truyền thông, giáo dục và tư vấn về dinh dưỡng.

- Đến năm 2020, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ mẫu giáo và tiểu học trung bình 2%/năm và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở và tiểu học trung bình 1%/năm.

- Đến năm 2020, 100% các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học thực hiện tốt công tác quản lý và tổ chức cho trẻ uống sữa tại trường; có cách thức vận hành, ghi chép sổ sách, lưu mẫu sữa theo quy định về an toàn thực phẩm.

2. Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

2.1. Khảo sát thực trạng suy dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi mầm non và tiểu học

- Sở Y tế phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo khảo sát thể lực tất cả trẻ em tại các trường mầm non và tiểu học thông qua đo chiều cao và cân nặng. Kết quả được lưu và đối chiếu, so sánh với lần sau nhằm đánh giá hiệu quả của sữa học đường cho từng độ tuổi.

- Nhân viên y tế trường học phối hợp với các giáo viên để thực hiện cân đo thể lực học sinh chính xác. Các trường chưa có nhân viên y tế trường học thì giáo viên dạy giáo dục thể chất thực hiện. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm giám sát và hướng dẫn quy trình thực hiện.

- Kết quả khảo sát được tổng hợp báo cáo cho Trạm Y tế xã, Trung tâm Y tế cấp huyện để tổng hợp, đánh giá và báo cáo với Sở Y tế.

2.2. Công tác truyền thông

- Các sở, ban, ngành tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức các cấp ủy Đảng, chính quyền, giáo viên, phụ huynh và học sinh về tầm quan trọng của Chương trình Sữa học đường trong việc phòng, chống suy dinh dưỡng, cải thiện tầm vóc, phát triển trí tuệ thế hệ tương lai của thanh thiếu niên; tuyên truyền, vận động các nhà tài trợ, phụ huynh học sinh tham gia đóng góp kinh phí cho việc triển khai Chương trình bằng hình thức phù hợp.

- Các nhà trường lồng ghép tuyên truyền trong các cuộc họp phụ huynh đầu năm, giữa năm để cho phụ huynh hiểu về mục đích, ý nghĩa của Chương trình.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh – Truyền hình các huyện, thành phố, thị xã xây dựng và đưa tin, bài, phóng sự về tình trạng suy dinh

dưỡng, thấp còi của trẻ em và ý nghĩa của việc triển khai Chương trình trong các trường mầm non, tiểu học. Báo Hà Tĩnh, các báo có văn phòng đại diện và địa chỉ thường trú tại Hà Tĩnh thực hiện các bài viết tuyên truyền về các nội dung liên quan đến Chương trình.

- Xây dựng các áp phích tuyên truyền về Chương trình Sữa học đường tại 13 huyện, thành phố, thị xã và ở các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn toàn tỉnh.

- In và phát tờ rơi về Chương trình tới tận tay phụ huynh học sinh.

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của Chương trình Sữa học đường thu hút phụ huynh và học sinh tham gia tại 13 huyện, thành phố, thị xã.

2.3. Công tác tập huấn

- Sở Y tế phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý, thực hiện Chương trình; nâng cao kỹ năng truyền thông, vận động; nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của Chương trình Sữa học đường cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ y tế phụ trách triển khai Chương trình tại các trường mầm non, tiểu học.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho giáo viên tại các trường mầm non và tiểu học về các nội dung liên quan đến Chương trình.

2.4. Lựa chọn nguồn sữa thích hợp

Sữa phục vụ Chương trình Sữa học đường tỉnh Hà Tĩnh phải đáp ứng các tiêu chí sau:

- Được chế biến từ sữa tươi nguyên liệu là sữa tươi sạch lấy từ các trang trại chăn nuôi bò sữa tập trung, thành phần có đường hoặc không đường, được bổ sung vi chất dinh dưỡng với hàm lượng như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hàm lượng
1	Vitamin A	IU/100ml	190 – 220
2	Vitamin D	IU/100ml	55 – 70
3	Axit folic	µg/100ml	28 – 34
4	Sắt	mg/100ml	1,4 - 1,8
5	Canxi	mg/100ml	110 – 145
6	Kẽm	mg/100ml	1,1 - 1,4

- Được sản xuất theo QCVN 5-1:2010/BYT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.
- Có ghi nhãn đối với sữa cho Chương trình Sữa học đường (“Sữa phục vụ Chương trình Sữa học đường”) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn; Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý thực phẩm chức năng và các quy định khác có liên quan.

2.5. Quản lý, vận chuyển và bảo quản sữa

- Việc vận chuyển sữa phải được thực hiện bằng các phương tiện chuyên dùng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Đối với vùng thành thị và đồng bằng, sữa được vận chuyển tới từng trường. Đối với các huyện miền núi, sữa được vận chuyển tới điểm trường chính, các trường bố trí tiếp nhận và chuyển tới từng điểm trường lẻ (nếu có).
- Nhà trường bố trí tiếp nhận, bảo quản sữa tại nơi sạch sẽ, thoáng mát, an toàn và tối đa không quá 2 tuần cho mỗi đợt.
- Nhà trường huy động nhân lực tham gia bốc vác, vận chuyển sữa từ nơi phương tiện vận chuyển đến nơi bảo quản an toàn.
- Doanh nghiệp cung ứng sữa chịu trách nhiệm kinh phí vận chuyển sữa

2.6. Thực hành cho học sinh uống sữa

- Mỗi học sinh mầm non và tiểu học được uống sữa hàng ngày, đảm bảo 5 lần/tuần, trong 9 tháng của năm học, mỗi lần 180 ml, vào giờ nhất định. Thời gian cho trẻ uống sữa: trẻ mẫu giáo và tiểu học bán trú, thời gian uống sữa là từ 14h - 15h sau bữa ăn phụ; trẻ tiểu học không bán trú, thời gian uống sữa là giờ ra chơi giữa buổi học. Riêng đối với trẻ nhà trẻ, cần chia đôi lượng sữa cho 02 lần uống/ngày, mỗi lần 90 ml (sáng: 8h30-9h00; chiều: sau bữa ăn chính chiều);
- Hiệu trưởng phân công giáo viên chịu trách nhiệm tổ chức cho học sinh uống sữa đảm bảo số lượng, số lần, đúng giờ và an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình uống, đồng thời theo dõi, ghi chép kết quả thực hiện của từng ngày để tổng hợp báo cáo. Có thể huy động một số em học sinh gương mẫu, có sức khỏe (đối với các lớp trên của cấp tiểu học) hỗ trợ trong quá trình thực hiện.
- Giáo viên trước khi cho trẻ uống sữa cần kiểm tra chất lượng sữa bằng cảm quan: Hộp sữa còn nguyên dạng, các góc cạnh vết dán chặt, khít, không có tình trạng hở, xì, chướng; sữa rót ra ly giấy không có hiện tượng vón cục, nổi bọt, nổi bợn.

- Nếu sữa được nhà sản xuất đóng gói trong các hộp có thể tích lớn hơn 180ml giáo viên phải tổ chức cho trẻ uống sữa bằng ly (ly giấy, ly nhựa hoặc thủy tinh). Với ly giấy, giáo viên không tái sử dụng ly giấy đã dùng. Với ly nhựa hoặc thủy tinh, nhà trường bố trí nhân lực vệ sinh ly đúng hướng dẫn, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

2.7. Xử lý rác thải

Vỏ hộp, ly giấy được thu gom ngay sau khi sử dụng để tránh thu hút ruồi, kiến và côn trùng khác gây mất vệ sinh an toàn thực phẩm; xử lý vỏ hộp, ly giấy như các rác thải hữu cơ thông thường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện:

Triển khai thực hiện từ học kỳ II, năm học 2016 – 2017 đến năm học 2019 – 2020. Kết thúc năm học, Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình tổ chức đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm.

2. Kinh phí thực hiện: 309.508.200.000/năm (Ba trăm lẻ chín tỷ trăm năm linh tám triệu hai trăm ngàn đồng), trong đó:

- Chi phí mua sữa: **300.168.000.000** đồng (Nhà nước: 29.116.800.000đ; phụ huynh đóng góp: 271.051.200.000 đ)

- Chi phí hỗ trợ quản lý: **3.940.200.000 đ** (Do doanh nghiệp cung ứng sữa hỗ trợ)

- Chi phí truyền thông: **5.400.000.000 đ** (Do doanh nghiệp cung ứng sữa hỗ trợ)

Nguồn kinh phí thực hiện bao gồm: sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước; huy động sự tham gia, hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; đóng góp của gia đình và cộng đồng.

3. Nguồn ngân sách:

- **Ngân sách Nhà nước:** Đảm bảo hỗ trợ 10% tổng kinh phí của Chương trình sữa học đường để mua sữa: 29.116.800.000

+ Đối với học sinh thuộc gia đình hộ nghèo: hỗ trợ 100%.

+ Đối với học sinh thuộc gia đình hộ cận nghèo: hỗ trợ 50%

- Nguồn xã hội hóa

+ Doanh nghiệp cung cấp sữa: hỗ trợ 3% tổng kinh phí của Chương trình sữa học đường để thực hiện tập huấn, hội thảo, truyền thông quản lý chương trình.

+ Thành lập Quỹ Sữa học đường - Vì Tầm vóc Việt tỉnh Hà Tĩnh nhằm huy động nguồn lực xã hội của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân.

- + Huy động từ các tổ chức, cá nhân khác.
- *Nguồn đóng góp từ phụ huynh*
- + Đối với trẻ thuộc gia đình hộ nghèo: 0.
- + Đối với trẻ thuộc gia đình hộ cận nghèo: 50%
- + Trẻ thuộc các đối tượng khác: 100%;

(Chi tiết Phụ lục 2, 3, 4, 5, 6,7)

UBND tỉnh giao cho Sở Tài chính phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã và các sở, ban, ngành liên quan có kế hoạch cụ thể về nguồn kinh phí thực hiện Chương trình Sửa học đường từ nay đến năm 2020.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Sở Y tế

- Tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo Chương trình Sửa học đường do Phó chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, trong đó Sở Y tế là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo;

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đoàn thể liên quan triển khai thực hiện kế hoạch; theo dõi, giám sát việc triển khai và đánh giá hiệu quả của Chương trình Sửa học đường, định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định;

- Đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế, giáo viên tham gia chương trình; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tăng cường giáo dục dinh dưỡng và giáo dục thể chất trong hệ thống trường học.

- Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản - đơn vị đầu mối triển khai thực hiện Kế hoạch có trách nhiệm căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể hàng năm (bao gồm cả kế hoạch kinh phí) tham mưu Sở Y tế trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành phối hợp với các đơn vị cùng cấp thuộc ngành Giáo dục để triển khai Chương trình đạt hiệu quả và đúng tiến độ.

3.2. Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Trên cơ sở đề xuất của Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định tham mưu, đề xuất UBND tỉnh hàng năm bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này;

- Giám sát, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí theo kế hoạch được phê duyệt.

3.3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để cung cấp số liệu chính xác về các đối tượng học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt, con em gia đình chính sách cho Ban Chỉ đạo các cấp.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình Sữa học đường; chỉ đạo các trường học cho trẻ uống sữa đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Y tế đẩy mạnh hoạt động truyền thông giáo dục dinh dưỡng và giáo dục thể chất trong hệ thống trường học.

3.4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Cung cấp số liệu chính xác về các đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt, con em gia đình chính sách cho Ban Chỉ đạo các cấp.

- Phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các hoạt động liên quan thuộc phạm vi Chương trình.

3.5. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

Chỉ đạo, phối hợp với Sở Y tế xây dựng các chương trình truyền thông, các chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng về “Đề án Tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 – 2030” và “Chương trình sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020”.

Lồng ghép Chương trình sữa học đường vào các buổi biểu diễn văn hóa, nghệ thuật ở vùng sâu, vùng xa.

3.6. Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp: Chỉ đạo Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp tăng cường tuyên truyền, vận động để các bà mẹ nâng cao nhận thức về lợi ích của Chương trình.

3.7. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Bộ Y tế để triển khai thực hiện Chương trình Sữa học đường.

3.8. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã:

- Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ nội dung của Kế hoạch của tỉnh và tình hình, đặc điểm của địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đạt mục tiêu đề ra. Bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện kế hoạch hoạt động của địa phương mình;

- Tăng cường đôn đốc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu và nội dung của Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục 1

**SỐ LƯỢNG HỌC SINH MẦM NON, TIỂU HỌC NĂM 2016
VÀ DỰ BÁO ĐẾN NĂM 2020**

1. Bậc Mầm non:

TT	Huyện, TX, TP	Năm học 2016-2017	Dự báo năm học 2017-2018	Dự báo năm học 2018-2019	Dự báo năm học 2019-2020
1	TX Kỳ Anh	6541	6382	5862	5737
2	Kỳ Anh	9309	9162	8806	8715
3	Cẩm Xuyên	8562	8303	8349	8361
4	TP Hà Tĩnh	6563	5942	5622	5644
5	Thạch Hà	9723	9723	9547	9538
6	Lộc Hà	5667	5746	5595	5695
7	Can Lộc	8683	8175	8064	8402
8	Hương Khê	7945	7795	6415	5864
9	Hương Sơn	6820	7220	7126	7197
10	Vũ Quang	2035	2035	1699	1781
11	Đức Thọ	6165	6177	6105	6263
12	Hồng Lĩnh	2760	2655	2517	2445
13	Nghi Xuân	7266	7459	7050	7076
Toàn tỉnh		88,039	86,774	82,757	82,718

2. Bậc Tiểu học:

TT	Huyện, TX, TP	Năm học 2016-2017	Dự báo năm học 2017-2018	Dự báo năm học 2018-2019	Dự báo năm học 2019-2020
1	TX Kỳ Anh	6,841	7,338	8,112	8,614
2	Kỳ Anh	10,228	10,577	11,143	11,630
3	Cẩm Xuyên	11,145	11,539	11,815	11,879
4	TP Hà Tĩnh	8,242	8,808	9,313	9,301
5	Thạch Hà	10,034	10,248	11,061	11,718
6	Lộc Hà	6,960	7,082	7,415	7,603
7	Can Lộc	10,429	10,728	11,259	11,345
8	Hương Khê	8,043	8,581	9,229	9,761
9	Hương Sơn	8,196	8,506	8,939	9,176
10	Vũ Quang	2,169	2,294	2,518	2,576
11	Đức Thọ	6,982	7,202	7,634	7,807
12	Hồng Lĩnh	2,934	3,048	3,244	3,439
13	Nghi Xuân	7,366	7,565	8,255	8,691
Toàn tỉnh		99,569	103,516	109,937	113,540

Phụ lục 2
KINH PHÍ MUA SỮA NĂM HỌC 2016-2017

TT	Huyện, TX, TP	Học sinh	Suất/năm	Tổng suất	Định mức	Thành tiền
1	TX Kỳ Anh	13382	200	2.676.400	8000/Hộp	21,411,200
2	Kỳ Anh	19537	200	3.907.400	8000	31,259,200
3	Cẩm Xuyên	19707	200	3.941.400	8000	31,531,200
4	TP Hà Tĩnh	14805	200	2.961.000	8000	23,688,000
5	Thạch Hà	19757	200	3.951.400	8000	31,611,200
6	Lộc Hà	12627	200	2.525.400	8000	20,203,200
7	Can Lộc	19112	200	3.822.400	8000	30,579,200
8	Hương Khê	15988	200	3.197.600	8000	25,580,800
9	Hương Sơn	15016	200	3.003.200	8000	24,025,600
10	Vũ Quang	4204	200	840.800	8000	6,726,400
11	Đức Thọ	13147	200	2.629.400	8000	21,035,200
12	Hồng Lĩnh	5694	200	1.138.800	8000	9,110,400
13	Nghi Xuân	14632	200	2.926.400	8000	23,411,200
Toàn tỉnh		187608		37.521.600		300,172,800

(Ba trăm tỷ một trăm bảy hai triệu tám trăm ngàn đồng chẵn)

Phụ lục 3

TỔNG KINH PHÍ HỖ TRỢ MUA SỮA TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(200 suất sữa 1 cháu/năm; trị giá mỗi suất sữa 8000 đồng)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Huyện	Tổng số học sinh	Học sinh nghèo (hỗ trợ 100%)		Học sinh cận nghèo (hỗ trợ 50%)		Tổng chi phí hỗ trợ sữa
			SL	Chi phí	SL	Chi phí	
1	TX Kỳ Anh	13382	134	214,400	201	160,800	375,200
2	Kỳ Anh	19537	1367	2,187,200	1172	937,600	3,124,800
3	Cẩm Xuyên	19707	985	1,576,000	1182	945,600	2,521,600
4	TP Hà Tĩnh	14805	148	236,800	222	177,600	414,400
5	Thạch Hà	19757	1181	1,889,600	1185	948,000	2,837,600
6	Lộc Hà	12627	1515	2,424,000	1894	1,515,200	3,939,200
7	Can Lộc	19112	956	1,529,600	1146	916,800	2,446,400
8	Hương Khê	15988	2198	3,516,800	2018	1,614,400	5,131,200
9	Hương Sơn	15016	1652	2,643,200	901	720,800	3,364,000
10	Vũ Quang	4204	462	739,200	631	504,800	1,244,000
11	Đức Thọ	13147	657	1,051,200	789	631,200	1,682,400
12	Hồng Lĩnh	5694	59	94,400	85	68,000	162,400
13	Nghi Xuân	14632	732	1,171,200	878	702,400	1,873,600
	Tổng	187608	12046	19,273,600	12304	9,843,200	29,116,800

Số tiền bằng chữ: Hai mươi chín tỷ một trăm mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng./.

Phụ lục 4
KINH PHÍ ĐÓNG GÓP MUA SỮA
CỦA PHỤ HUYNH HỌC SINH NĂM HỌC 2016 - 2017
(200 suất sữa 1 cháu/năm; trị giá mỗi suất sữa 8000 đồng)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Huyện/ Thành/Thị	Tổng số lượng học sinh	Số học sinh cận nghèo	Đóng góp của phụ huynh học sinh cận nghèo (50%)	Số học sinh bình thường	Đóng góp của phụ huynh học sinh bình thường (100%)	Tổng kinh phí phụ huynh đóng góp
1	TX Kỳ Anh	13382	201	160,800	13047	20,875,200	21,036,000
2	Kỳ Anh	19537	1172	937,600	16998	27,196,800	28,134,400
3	Cẩm Xuyên	19707	1182	945,600	17540	28,064,000	29,009,600
4	TP Hà Tĩnh	14805	222	177,600	14435	23,096,000	23,273,600
5	Thạch Hà	19757	1185	948,000	17391	27,825,600	28,773,600
6	Lộc Hà	12627	1894	1,515,200	9218	14,748,800	16,264,000
7	Can Lộc	19112	1146	916,800	17010	27,216,000	28,132,800
8	Hương Khê	15988	2018	1,614,400	11772	18,835,200	20,449,600
9	Hương Sơn	15016	901	720,800	12463	19,940,800	20,661,600
10	Vũ Quang	4204	631	504,800	3109	4,974,400	5,479,200
11	Đức Thọ	13147	789	631,200	11700	18,720,000	19,351,200
12	Hồng Lĩnh	5694	85	68,000	5550	8,880,000	8,948,000
13	Nghi Xuân	14632	878	702,400	13022	20,835,200	21,537,600
	Tổng	187608	12304	9,843,200	163255	261,208,000	271,051,200

Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi một tỷ không trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn./.

Phụ lục 5

KINH PHÍ HỖ TRỢ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH SỬA HỌC ĐƯỜNG NĂM HỌC 2016- 2017 TẠI 13 HUYỆN

ĐVT: đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Số tiền/tháng	Số tháng	Tổng số tiền/năm
1	Chi phí hỗ trợ quản lý tại trường (hiệu trưởng và kế toán)	Trường	531	500.000	9	3,823,200
2	Chi phí hỗ trợ quản lý tại Phòng giáo dục	Phòng	13	1.000.000	9	117,000
	Tổng cộng					3,940,200

(Ba tỷ chín trăm bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng)

Phụ lục 6

KINH PHÍ TRUYỀN THÔNG

Do doanh nghiệp cung ứng sữa chịu trách nhiệm

ĐVT: Nghìn đồng

Hạng mục	Kinh phí
Hoạt động truyền thông trên Đài Truyền hình Hà Tĩnh	500,000
Hoạt động hỗ trợ truyền thông trên Đài phát thanh	300,000
Hoạt động hỗ trợ truyền thông trên các Báo	300,000
Các hoạt động hỗ trợ đào tạo, tập huấn, hội thảo	3,000,000
Tờ rơi và các tài liệu hướng dẫn Chương trình Sữa học đường	500,000
Chi phí sản xuất quảng cáo ngoài trời: Hệ thống biển bảng, băng rôn...	500,000
Các chi phí dự phòng khác	300,000
Tổng chi phí	5,400,000

(Năm tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn)

Phụ lục 7

**KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH SỬA HỌC ĐƯỜNG
NĂM HỌC 2015 – 2016 TẠI 13 HUYỆN THỊ/THỊ/THÀNH PHỐ)**

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung chi	Ngân sách NN	Phụ huynh đóng góp	Doanh nghiệp	Tổng
1	Chi mua sữa	29,116,800	271,051,200		300.168.000
2	Chi hỗ trợ quản lý và thực hiện			3,940,200	3,940,200
3	Chi tập huấn, hội thảo, truyền thông			5,400,000	5,400,000
Cộng		29,116,800	271,051,200	9,340,200	309,507,200

(Ba trăm lẻ chín tỷ năm trăm lẻ bảy triệu hai trăm ngàn đồng)